Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 02.03.2020 13:52:56 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05 /2020/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 02 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 278/TTr-SNV ngày 06 tháng 02 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực TU, Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ (03b);
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, KGVX.

E/Hải-VX/02 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai.

Những nội dung liên quan không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;

b) Công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, ở huyện, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) công chức xã, phường, thị trấn; công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Các đối tượng tại điểm a, b khoản này được gọi chung là cán bộ, công chức; đối tượng tại điểm c khoản này gọi là viên chức.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đào tạo là quá trình truyền thụ, tiếp nhận có hệ thống những tri thức, kỹ năng theo quy định của từng cấp học, bậc học.

2. Bồi dưỡng là hoạt động trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc.

3. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo chương trình quy định cho ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức.

4. Bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý là trang bị kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng, phương pháp làm việc theo từng chức vụ lãnh đạo, quản lý quy định.

5. Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành tối thiểu bắt buộc hàng năm là trang bị, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc cần thiết để làm tốt công việc được giao.

Điều 3. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị. Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phải dựa trên quy hoạch cán bộ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh và tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện quy định và được cấp có thẩm quyền cử đi. Không cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng từ hai lớp trở lên trong cùng một thời gian học.

3. Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; kết hợp phân công và cạnh tranh trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Đề cao ý thức tự học và việc lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Công khai, minh bạch, hiệu quả; bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Chương II
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 4. Đối tượng, điều kiện đào tạo

1. Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học

- Cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi và phải có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

- Trường hợp các đề án/chương trình đào tạo của bộ, ngành Trung ương, của tỉnh có hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các đề án/chương trình đó.

2. Đào tạo sau đại học

Thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt là Nghị định 101/2017/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a) Đối với cán bộ, công chức

- Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu;

- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo;

- Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

b) Đối với viên chức

- Đã kết thúc thời gian tập sự (nếu có);

- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo;

- Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

c) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài các quy định tại khoản a và khoản b Điều này còn phải đáp ứng yêu cầu khác của chương trình hợp tác.

d) Cán bộ, công chức, viên chức trước khi dự tuyển đào tạo sau đại học phải có ý kiến thống nhất của cơ quan tham mưu cấp có thẩm quyền cử đi quy định tại Điều 14 Quy chế này, trừ trường hợp đi học tự túc kinh phí, không ảnh hưởng đến thời gian làm việc và đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Đền bù chi phí đào tạo

1. Các trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo; chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù; điều kiện được giảm chi phí đền bù; Hội đồng xét đền bù; thành lập Hội đồng xét đền bù; cuộc họp của Hội đồng xét đền bù; quyết định đền bù; trả và thu hồi phí đền bù: Thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

2. Phân cấp cơ quan, đơn vị được thành lập Hội đồng xét đền bù

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức và các trường hợp thuộc diện cử tuyển được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo: Sở Nội vụ thành lập Hội đồng xét đền bù.

b) Đối với công chức, viên chức thuộc diện đào tạo y, dược chính quy theo địa chỉ sử dụng, đào tạo bác sĩ nội trú: Sở Y tế thành lập Hội đồng xét đền bù.

c) Đối với các trường hợp còn lại: Cơ quan, đơn vị nào quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo thì cơ quan, đơn vị đó thành lập Hội đồng xét đền bù.

3. Căn cứ kiến nghị của Hội đồng xét đền bù, Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được phân cấp thành lập hội đồng xét đền bù ban hành quyết định đền bù chi phí đào tạo.

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện hoặc cán bộ, công chức, viên chức do Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy cử đi đào tạo: Thẩm quyền thành lập Hội đồng xét đền bù thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Tỉnh ủy.

Điều 6. Bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16, 17, 18, 31, 32 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán hộ, công chức, viên chức (viết tắt là Thông tư số 01/2018/TT-BNV) và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo từng giai đoạn.

Điều 7. Quản lý, biên soạn, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm; kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Các loại chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Trường hợp các chương trình, tài liệu bồi dưỡng đã được các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, bộ ngành biên soạn và phê duyệt theo quy định thì đưa vào sử dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không phải phê duyệt.

b) Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc tỉnh tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành khi được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

c) Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và quyết định ban hành chương trình thuộc thẩm quyền quản lý trước khi đưa vào sử dụng.

Điều 8. Phân công tổ chức bồi dưỡng

1. Trường Chính trị tỉnh tổ chức các chương trình bồi dưỡng sau:

a) Chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;

b) Chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;

c) Chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương; ngạch chuyên viên và tương đương; ngạch chuyên viên chính và tương đương;

d) Chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp xã;

đ) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành của viên chức cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có đủ điều kiện theo quy định thuộc thẩm quyền quản lý và gửi danh sách về Bộ Nội vụ để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

Trường hợp các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu kế hoạch bồi dưỡng, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc giao các cơ quan, đơn vị hợp đồng với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương được cấp có thẩm quyền giao tổ chức bồi dưỡng.

Điều 9. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng

1. Việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng thực hiện theo Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng sau khi kết thúc lớp gửi cơ quan, đơn vị được giao phối hợp tổ chức và Sở Nội vụ.

Chương III
KINH PHÍ, QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 10. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

Việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức học tập không đạt yêu cầu và phải học lại, thi lại thì không được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định trong thời gian học lại, thi lại. Kinh phí học lại, thi lại do cá nhân tự chi trả.

Điều 11. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

a) Được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định;

b) Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục;

c) Được hưởng các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật;

d) Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị.

3. Cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

Điều 12. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Cán bộ, công chức, viên chức đang giữ chức vụ và thuộc ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức nào thì phải đi đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng các tiêu chuẩn quy định của từng chức vụ, ngạch, chức danh đó; đồng thời, phải bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành bắt buộc hàng năm theo quy định.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và cơ quan, đơn vị được giao phối hợp tổ chức (nếu có) trong thời gian tham gia khóa học; đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập.

3. Kết thúc khóa đào tạo, bồi dưỡng trong thời hạn 7 ngày làm việc sau khi được cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo kết quả học tập và nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý để cập nhật hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và báo cáo cơ quan có thẩm quyền cử đi học.

4. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

5. Thực hiện đền bù chi phí đào tạo theo quy định của pháp luật.

Chương IV
QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 13. Quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi toàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Sở Nội vụ là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc hệ nhà nước quản lý.

3. Việc quản lý đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng các trường hợp sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài.

b) Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học theo các chương trình, kế hoạch được tỉnh phê duyệt hoặc triển khai.

c) Cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học theo các đề án/chương trình được bộ, ngành, Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo quy định hiện hành.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo, hội nghị trong nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành Trung ương triển khai cho địa phương cử đi mà có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý theo phân cấp đi học trong các trường hợp sau:

a) Cán bộ, công chức cấp xã thuộc đối tượng, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này đi đào tạo từ trình độ đại học trở xuống; viên chức đi đào tạo (trừ viên chức thuộc diện Tỉnh ủy quản lý) theo kế hoạch, đáp ứng quy hoạch nguồn nhân lực của đơn vị.

b) Cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng theo các nội dung, chương trình bồi dưỡng quy định (Trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này).

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng từng giai đoạn và hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; gửi về Sở Nội vụ theo dõi, quản lý chậm nhất trước ngày 30 tháng 01 hàng năm.

3. Chủ động đề xuất biên soạn và lựa chọn chương trình bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định.

4. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền tại khoản 3 Điều 14 Quy chế này. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Theo dõi tình hình học tập, đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Xử lý trách nhiệm khi cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các trường hợp quy định tại Điều 12 Quy chế này.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học theo các đề án, chương trình, kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh theo từng lĩnh vực được giao.

6. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm và đột xuất khi có yêu cầu.

7. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý hàng năm và giai đoạn. Cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo, hội nghị trong nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền được giao tại khoản 2 Điều 14 Quy chế này.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Phê duyệt chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm; kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

5. Phối hợp Sở Tài chính bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

7. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

8. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan tổng hợp kế hoạch, lập dự toán chi ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

2. Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ phân bổ nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

3. Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, hướng dẫn các quy định của Bộ Tài chính liên quan việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của tỉnh.

4. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để nghiên cứu, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng